UBND THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TRANG THIẾT BỊ
PHÒNG THỰC HÀNH KHÍ NÉN THỦY LỰC

Thời điểm kiểm kê :
Ban kiểm kê gồm :

Ông /Bà : Nguyễn Hoàng	Chức vụ : TP.QTTB	Đại diện: Phòng Quản trị thiết bị
Ông /Bà : Lưu Ngọc Loan	Chức vụ : Kế toán tài sản	Đại diện: Phòng Tài vụ
Ông /Bà : Nguyễn Quốc Dũng	Chức vụ : Nhân viên	Đại diện: Phòng thực hành
Ông /Bà : Trần Bạch Thanh Thảo	Chức vụ : Nhân viên	

SỐ TT	TÊN TSCĐ	ĐVT	Mã số TSCĐ	Năm đưa vào sử dụng	Theo sổ kế toán							Theo kiểm kê								Chênh lệch						Đề xuất xử lý
					Số lượng		Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng			Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng		Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	
					DC	TS						DC	TS							DC	TS						
A	B	C	D		1	2		3				4	5			6			7	8	9		10			11	13
I	**Thực hành về khí nén và điện khí nén**			2009																							
1	**Khí nén**	Bộ		2009		2	43,817,115	87,634,229.10	12.5%	87,634,229	0		02		43,817,115	87,634,229	12.5%	87,634,229	0		0	43,817,115	-	12.5%	-	-	
1	Bộ lọc- chỉnh áp-tra dầu, có đồng hồ	Cái		2009		1							01								0						
2	Bộ lọc và chỉnh áp có đồng hồ	Cái		2009		1							01								0						
3	Van điều chỉnh áp có đồng hồ	Cái		2009		1							01								0						
4	Van tay 3/2 đóng - ngắt	Cái		2009		2							02								0						
5	Đồng hồ áp suất 0-10 bars	Cái		2009		2							02								0						
6	Van 1 chiều phân phối khí	Cái		2009		1							01								0						
7	Van tiết lưu	Cái		2009		6							06								0						
8	Van ĐK nút nhấn 3/2NC/NO	Cái		2009		2							02								0						
9	Van khí 3/2 con lăn	Cái		2009		2							02								0						
10	Van xả nhanh/máng	Cái		2009		1							01								0						- Đóng thùng chuyển sang kho tạm B1.7
11	Van ĐK nút nhấn 5/2NC	Cái		2009		1							01								0						
12	Van khí 5/2 1 ĐK tác động đơn	Cái		2009		1							01								0						
13	Van khí 5/2 2 ĐK tác động kép	Cái		2009		1							01								0						
14	Van OR	Cái		2009		1							01								0						
15	Xilanh tác động đơn có piston từ. 20*50	Cái		2009		1							01								0						
16	Xilanh tác động kép có piston từ. 20*50	Cái		2009		2							02								0						
17	Xilanh tác động kép có piston từ. 20*300	Cái		2009		2							02								0						
18	Xi lanh quay	Cái		2009		1							01								0						
19	Xi lanh trượt	Cái		2009		1							01								0						
20	Tay kẹp	Cái		2009		1							01								0						
21	Bộ nối trung gian chữ T	Cái		2009		6							06								0						
2	**Điện khí nén**	Bộ		2009		2	48,983,555	97,967,109.12	12.5%	97,967,109	0		02		48,983,555	97,967,109	12.5%	97,967,109	0		0	48,983,555	-	12.5%	-	-	
1	Bộ nguồn điện cung cấp	Cái		2009		1							01								0						
2	Trạm nối	Bộ		2009		1							01								0						
3	Khối công tắc	Cái		2009		1							01								0						
4	Khối đèn báo	Cái		2009		1							01								0						
5	Khối rơ le điện từ	Cái		2009		1							01								0						
6	Công tắc hành trình có bánh xe	Cái		2009		2							02								0						
7	Cảm biến cảm ứng gần	Cái		2009		2							02								0						
8	Cảm biến (từ) định vị trí trên xilanh	Cái		2009		2							02								0						
9	Van solenoid 3/2 có đèn	Cái		2009		1							01								0						- Đóng thùng chuyển sang kho tạm B1.7
10	Van solenoid 5/2 có đèn	Cái		2009		1							01								0						
11	Van solenoid 5/3 có đèn	Cái		2009		1							01								0						
12	Van điều khiển điện từ	Cái		2009		1							01								0						
13	Rơ le áp suất	Cái		2009		1							01								0						
14	Cảm biến+ bộ đo + ngưỡng áp suất	Cái		2009		1							01								0						
15	Cảm biến quang phản xạ	Cái		2009		1							01								0						

SỐ TT	TÊN TSCĐ	ĐVT	Mã số TSCĐ	Năm đưa vào sử dụng	Theo sổ kế toán							Theo kiểm kê								Chênh lệch							Đề xuất xử lý
					Số lượng		Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng		Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng		Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	
					DC	TS						DC	TS						DC	TS							
A	B	C	D		1	2		3				4	5		6			7	8	9		10			11	13
16	Máy đếm	Cái		2009		1							01							0						
17	Khối rơ le thời gian điện tử (kép)	Cái		2009		1							01							0						
18	Motor DC + hộp số+ cam sharp	Cái		2009		1							01							0						
3	**Phần chung**	Bộ		2009		1	17,295,325	17,295,324.82	12.5%	17,295,325	0		01	17,295,325	17,295,325	12.5%	17,295,325	0		0	17,295,325	-	12.5%	-	-	
1	Bàn theo mẫu	Cái		2009		1							0							1			12.5%			
2	Máy nén khí	Cái		2009		1							01							0			12.5%			- Trong hồ sơ hiện trạng B1.9 là 5 cái máy khí nén giảm thanh
3	**Ống khí nén**	Bộ		2009		1			0	-	-		0	-	-	0	-	-		1			0			**Đã tiêu hao hết**
4	**Dây TN điện có chốt**	Bộ		2009		1			0	-	-		0	-	-	0	-	-		1			0			**Đã tiêu hao hết**
MÔ HÌNH																										
1	**Mh khí nén - điện khí nén (thầy Lới Làm)**	Bộ		2016		2		-	12.5%	0	0			0	0	12.5%	-	0			-	-	12.5%	-	-	**Thêm (06/2020)** **- tại kho B1.9 khí nén thủy lực**
2	**Mô hình thực hành Điện Khí Nén (Lớp ĐCN 217A- TN)(Thầy Kiệt)**	Bộ		2019		1		14,300,000	12.5%	3575000	10,725,000		01	0	14,300,000	12.5%	3,575,000	10,725,000		1		14,300,000	12.5%	3,575,000	10,725,000	**Thêm (06/2020)**
3	**MH đóng nắp sản phẩm (hữu hồng) - CS708**	Bộ		2008		1			12.5%	0	-		01	0	14,300,000	12.5%	14,300,000	-		1		14,300,000	12.5%	14,300,000	-	**Thêm 12/2020**
4	**MH băng tải chọn vật liệu**	Bộ		2009		1			12.5%	0	-		01	0	14,300,000	12.5%	14,300,000	-		1		14,300,000	12.5%	14,300,000	-	**Dự án Hữu Hồng - 2009**
II Thực hành về thủy lực và điện thủy lực - Dự Án Hữu Hồng																										
1	**Thuỷ lực**	Bộ		2009		2	62,246,523	124,493,045	12.5%	124,493,045	0		02		62,246,523	124,493,045	12.5%	124,493,045	0		0	62,246,523	-	12.5%	-	-	**- Đóng thùng chuyển kho tạm B1.7**
1	Đồng hồ áp lực dầu	Cái		2009		4							04							0						
2	Van khoá	Cái		2009		2							02							0						
3	Van tiết lưu	Cái		2009		2							02							0						
4	Van tiết lưu + Van 1 chiều	Cái		2009		1							01							0						
5	Bình tích áp	Cái		2009		1							01							0						
6	Van 1 chiều	Cái		2009		1							01							0						
7	Van giảm áp	Cái		2009		1							01							0						
8	Van điều áp	Cái		2009		1							01							0						
9	Van 4/2 Đkhiển tay nhấn nhả	Cái		2009		1							01							0						
10	Van 5/3 Đkhiển tay TT tâm cách ly	Cái		2009		1							01							0						
11	Van 5/3 Đkhiển tay TT tâm lối vào nối xả	Cái		2009		1							01							0						
12	Van thuỷ lực hành trình loại lăn	Cái		2009		2							02							0						
13	Xi lanh	Cái		2009		2							02							0						
14	Động cơ thuỷ lực	Cái		2009		1							01							0						
15	Bộ chia	Cái		2009		2							02							0						
2	**Điện thuỷ lực**	Bộ		2009		2	36,094,048	72,188,095	12.5%	72,188,095	0		2		36,094,048	72,188,095	12.5%	72,188,095	0		0	36,094,048	-	12.5%	-	-	
1	Bộ nguồn điện cung cấp	Cái		2009		1							01							0						
2	Trạm nối	Bộ		2009		1							01							0						
3	Khối công tắc	Cái		2009		1							01							0						
4	Khối đèn báo	Cái		2009		1							01							0						
5	Khối rơ le điện từ	Cái		2009		1							01							0						
6	Công tắc hành trình có bánh xe	Cái		2009		1							01							0						
7	Cảm biến cảm ứng gần	Cái		2009		1							01							0						
8	VAL 4/2 không duy trì	Cái		2009		1							01							0						
9	VAL 4/3 TT tâm không thông	Cái		2009		1							01							0						
10	VAL 4/3 TT tâm nối thông	Cái		2009		1							01							0						
11	Khối rơ le thời gian điện tử (kép)	Cái		2009		1							01							0						
3	**Phần chung**	Bộ		2009		2	26,285,793	52,571,587	12.5%	52,571,587	0		02		26,285,793	52,571,587	12.5%	52,571,587	0		0	26,285,793	-	12.5%	-	-	
1	Bàn theo mẫu	Cái		2009		1							01							0						
2	Máy nén thuỷ lực	Bộ		2009		1							02							-1						
3	Dây nối thuỷ lực	Bộ		2009		1							0							1						**đã tiêu hao hết 12/2020**
4	Đầu nối thuỷ lực	Bộ		2009		1							01							0						
5	Dây nối TN	Bộ		2009		1							0							1						**đã tiêu hao hết 12/2020**
III Trang thiết bị																										
TRANG THIẾT BỊ DỰ ÁN TÂN PHÁT - Đợt 1				2013				3,000,000,000	12.5%	3,000,000,000	-				0	3,000,000,000	12.5%	3,000,000,000	0		0		3,000,000,000	12.5%	3,000,000,000	-	
THIẾT BỊ GIẢNG DẠY				2013																						
	Bàn thí nghiệm		SAI 2066	2013		7							07							0						

SỐ TT	TÊN TSCD	ĐVT	Mã số TSCD	Năm đưa vào sử dụng	Theo sổ kế toán							Theo kiểm kê								Chênh lệch							Đề xuất xử lý
					Số lượng		Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng		Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng		Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	
					DC	TS						DC	TS						DC	TS						
A	B	C	D		1	2		3				4	5		6			7	8	9		10			11	13
	- Model: SAI 2066			*2013*																						
	- Di chyển bằng 4 bánh xe, có chốt hãm			*2013*																						
	Ngăn kéo đựng thiết bị		SAI 2066.1	2013		7							07							0						
	- Model: SAI 2066.1			*2013*																						
	Giá để dây		SAI 2089	2013		7							07							0						
	- Model: SAI 2089			*2013*																						
	- Hãng sản xuất: Tân Phát			*2013*																						
	- Số lượng:1 Cái /bộ			*2013*																						
	- Chất liệu: Nhựa ABS			*2013*																						
	- máy nén khí (sử dụng Block tủ Lạnh - màu xanh)			*2013*		5							5							0						
	- Để được tối đa 40 dây			*2013*																						
THIẾT BỊ CHUYÊN MÔN																										
1	**Bộ thực hành khí nén nâng cao**		FN-102-B	2013		2		-	12.5%	-	0		02		0	0	12.5%	-	0		0	-	-	12.5%	-	-	
	Model : FN - 102-B			2013																							
	Hãng sản xuất : TPA			2013																							
	Xuất xứ : Việt Nam			2013																							
	I. Bộ cấp khí			2013																							
	II.Van tay và van cơ khí			2013																							
	III. Van tác động khí nén			2013																							
	IV. Thiết bị điều chỉnh lưu lượng			2013																							
	V. Các phần tử khí nén khác			2013																							
	VI. Các phụ kiện			2013																							
2	**Bộ thực hành điện khí nén nâng cao**		FN-202-B	2013		3		-	12.5%	-	0		03		0	0	12.5%	-	0		0	-	-	12.5%	-	-	
	Model : FN - 202-B			2013																							
	Hãng sản xuất : TPA			2013																							
	Xuất xứ : Việt Nam			2013																							
	I. Bộ cấp khí			2013																							
	II. Thiết bị điều chỉnh lưu lượng			2013																							
	III. Xilanh và các phần tử khí nén khác			2013																							
	IV. Van điện từ khí nén			2013																							
	V. Mô đun điều khiển			2013																							
	VI. Các bộ biến đổi điện-khí nén			2013																							
	VII. Các phụ kiện			2013																							
Đợt 2 - Thiết bị khí nén đầu tư năm 2014																											
1	**Bộ thực hành điện khí nén nâng cao**	Bộ		2014		3	339,751,429	1,019,254,287	12.5%	891,847,501	127,406,786		03		339,751,429	1,019,254,287	12.5%	891,847,501	127,406,786		0	339,751,429	-	12.5%	-	-	
2	**Bộ kí hiệu các phần tử khí nén, thủy lực có từ tính**	Bộ		2014		1	8,089,320	8,089,320	12.5%	7,078,155	1,011,165		01		8,089,320	8,089,320	12.5%	7,078,155	1,011,165		0	8,089,320	-	12.5%	-	-	
3	**Bộ các phần tử thực hành nâng cao**	Bộ		2014		1	37,146,156	37,146,156	12.5%	32,502,887	4,643,270		01		37,146,156	37,146,156	12.5%	32,502,887	4,643,270		0	37,146,156	-	12.5%	-	-	
4	**Máy khí nén 0.75kw - 220v. 08kg/m2**	Cái		2014		1	12,942,912	12,942,912	12.5%	11,325,048	1,617,864		01		12,942,912	12,942,912	12.5%	11,325,048	1,617,864		0	12,942,912	-	12.5%	-	-	
Đợt 3 - Tân Phát																											
	Máy nén khí chuyên dụng cho phòng thí nghiệm (màu vàng - giảm ồn)		L225	2020		5			12.5%	-	0		05		0	0	12.5%	-	0		0	-	-	12.5%	-	-	
	- Model: L225			2020																							
	- Nhà sản xuất: JAR			2020																							
	- Máy nén khí chuyên dụng trong phòng thí nghiệm, có độ ồn rất thấp nên không ảnh hưởng tới việc giảng dạy của giáo viên			2020																							
	- Công suất : 150W			2020																							
	- Điện áp hoạt động : 220VAC, 50Hz			2020																							
	- Độ ồn : 40dB			2020																							
	- Thể tích bình : 6l			2020																							
	Bộ kí hiệu các phần tử khí nén, thủy lực có từ tính		13051	2020		1		-	12.5%	-	0		01		0	0	12.5%	-	0		0	-	-	12.5%	-	-	
	- Model : 13051			2020																							
	Bàn												05														**kiểm tra hồ sơ bổ sung**
	Bộ thiết bị đi kèm																										
	Bộ biến tần - MM420			2002		4		-	12.5%	-	0		04		0	0	12.5%	-	0		0	-	-	12.5%	-	-	
THIẾT BỊ DỰ ÁN -2019 (ĐIỆN KHÍ NÉN)		Bộ		2019		1	18,353,836,936	18,353,836,936	12.5%	4,588,459,234	13,765,377,702		01		18,353,836,936	18,353,836,936	12.5%	4,588,459,234	13,765,377,702		0	18,353,836,936	-	12.5%	-	-	
1	**Bộ thực hành khí nén CB**	Bộ		2019		2	182,774,000	365,548,000	12.5%	91,387,000	274,161,000		02		182,774,000	365,548,000	12.5%	91,387,000	274,161,000		0	182,774,000	-	12.5%	-	-	
2	**Bộ thiết bị tăng cường thực hành khí nén NC**	Bộ		2019		2	164,512,000	329,024,000	12.5%	82,256,000	246,768,000		02		164,512,000	329,024,000	12.5%	82,256,000	246,768,000		0	164,512,000	-	12.5%	-	-	
3	**Bộ thực hành điện khí nén CB**	Bộ		2019		2	267,734,000	535,468,000	12.5%	133,867,000	401,601,000		02		267,734,000	535,468,000	12.5%	133,867,000	401,601,000		0	267,734,000	-	12.5%	-	-	

SỐ TT	TÊN TSCD	ĐVT	Mã số TSCD	Năm đưa vào sử dụng	Theo sổ kế toán							Theo kiểm kê								Chênh lệch							Đề xuất xử lý
					Số lượng		Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng			Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	Số lượng		Đơn giá	Nguyên giá	Tỉ lệ hao mòn/ năm	Hao mòn	Giá trị còn lại	
					DC	TS						DC	TS							DC	TS						
A	B	C	D		1	2		3				4	5			6			7	8	9		10			11	13
4	Bộ thiết bị tăng cường thực hành Điện khí nén NC	Bộ		2019		2	152,630,000	305,260,000	12.5%	76,315,000	228,945,000		02		152,630,000	305,260,000	12.5%	76,315,000	228,945,000		0	152,630,000	-	12.5%	-	-	Thêm 06/2021
5	Bàn chuyên dụng cho đào tạo khí nén	Bộ		2019		5	64,070,000	320,350,000	12.5%	80,087,500	240,262,500		05		64,070,000	320,350,000	12.5%	80,087,500	240,262,500		0	64,070,000	-	12.5%	-	-	
6	Tủ có khay đựng các thành phần khí nén	Bộ		2019		5	11,608,000	58,040,000	12.5%	14,510,000	43,530,000		05		11,608,000	58,040,000	12.5%	14,510,000	43,530,000		0	11,608,000	-	12.5%	-	-	
7	Thanh gá dây thí nghiệm	Bộ		2019		5	2,322,000	11,610,000	12.5%	2,902,500	8,707,500		5		2,322,000	11,610,000	12.5%	2,902,500	8,707,500		0	2,322,000	-	12.5%	-	-	
III. TRANG THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG:																											
1	Bàn ghế học sinh hai chỗ	Cái	T03762098-654	2009	1		660,000	660,000	12.5%	660,000	0	08			660,000	0	12.5%	0	0	5		660,000	-	12.5%	-	-	- Đợt 6/2020 là 6 cái - Đợt 12/2020 tăng 2 cái
2	Tủ dụng cụ 0.6x1.2x1.8, gỗ MDF, kính lùa	Cái	T03762098-655	2009	1		1,831,000	1,831,000	12.5%	1,831,000	0	01			1,831,000	0	12.5%	0	0	0		1,831,000	-	12.5%	-	-	
3	Bảng phấn từ xanh (3.6)	Cái	T03762098-656	2009	1		1,241,900	1,241,900	12.5%	1,241,900	0	01			1,241,900	0	12.5%	0	0	0		1,241,900	-	12.5%	-	-	
4	Tủ dụng cụ 0.6x1.2x1.8, ván cao su ép, kính lùa	Cái	T03762098-657	2009	2		134,200	268,400	12.5%	268,400	0	01			134,200	0	12.5%	0	0	1		134,200	-	12.5%	-	-	
5	Bàn thí nghiệm chân sắt, 3 ngăn kéo, mặt ván gỗ MDF có ổ điện 1.5x0.8x0.73	Cái		2009	10		991,000	9,910,000	12.5%	9,910,000	0	05			991,000	0	12.5%	0	0	5		991,000	-	12.5%	-	-	- Đợt 6/2020 là 4 cái - Đợt 12/2020 tăng 1 cái
6	Ghế tựa, ghế sắt bọc nệm sơn tĩnh điện	Cái	T03762098-659	2009	4		134,200	536,800	12.5%	536,800	0	01			134,200	0	12.5%	0	0	1		134,200	-	12.5%	-	-	Trong kho (4/5 có 1 cái chuyển từ phòng khác qua) - 06/2020 - 12/2020 giảm còn 1 cái
7	Tủ sắt sơn tĩnh điện 3 tầng 6 cánh	Cái	T03762098-660	2009	1		2,750,000	2,750,000	12.5%	2,750,000	0	01			2750000	0	12.5%	0	0	0		2,750,000	-	12.5%	-	-	- Trong kho B1.9 - khí nén thủy lực
8	Kệ sắt di động có bánh xe 5 tầng	Cái		2009	1		3,770,000	3,770,000	12.5%	3,770,000	0	0			3,770,000	0	12.5%	0	0	1		3,770,000	-	12.5%	-	-	Chuyển P. Máy điện
9	Ghế đẩu đỏ	Cái		2009	20			-	12.5%	-	0	17			0	0	12.5%	0	0	3		-	-	12.5%	-	-	Chờ thanh lý
10	Quạt trần	Cái		2009	6			-	12.5%	-	0	06			0	0	12.5%	0	0	0		-	-	12.5%	-	-	
11	Đèn đôi	Bộ		2009	12			-	12.5%	-	0	12			0	0	12.5%	0	0	0		-	-	12.5%	-	-	
12	Ghế tựa gỗ	Cái	T03762098-661	2009			275,000	-	12.5%	-	0	02			275000	550,000	12.5%	550,000	0	8		275,000	-	12.5%	-	-	
13	Máy tính bàn	Bộ						-	20.0%	-	0	02			0	0	12.5%	0	0	8		-	-	12.5%	-	-	
14	Tivi samsung	Cái						-	12.5%	-	0	01			0	0	12.5%	0	0	8		-	-	12.5%	-	-	
15	Bục giáo viên	Cái						-	12.5%	-	0	02			0	0	12.5%	0	0	8		-	-	12.5%	-	-	
	TỔNG CỘNG:				59	188		24,843,987,101		9,489,230,315	15,354,756,786	29	12			24,852,169,001		9,496,862,215	15,354,756,786	48	7		3,042,900,000		3,032,175,000	10,725,000	

Ngày 06 tháng 01 năm 2022

P.QTTB	Quản lý	Kế toán TS	Thủ kho	P. Hiệu trưởng
Nguyễn Hoàng Minh	Nguyễn Quốc Duy	Lưu Ngọc Loan	Trần Bạch Thanh Thảo	Lê Thị Ngọc Thuần

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT THỦ ĐỨC